TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 8 - 2024
Về việc: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Bùi Tuấn Khanh
Ông Nguyễn Văn Hiếu
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Thái Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thảo Loan– Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Lê Thành L**, sinh ngày 10/10/1991 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện G, tỉnh B.
- *Bị đơn:* **Huỳnh Tấn Đ**, sinh ngày: 07/06/1987 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Bình Huề 2, xã Đ, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 06/5/2024, bản tự khai ngày 06/5/2024, nguyên đơn chị Lê Thành L trình bày:

Chị và anh Huỳnh Tấn Đ kết hôn năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã và vợ chồng ly thân đến nay không có hàn gắn tình cảm. Quá trình chung sống, chị và anh Đ có với nhau 02 con chung Huỳnh Tấn P, sinh ngày: 11/3/2012 và Huỳnh Tấn L, sinh ngày: 14/03/2018, chị đang nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị Lê Thành L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Huỳnh Tấn Đ.

- Về con chung: Chị Lê Thành L yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thành L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 11/6/2024.

* Bị đơn anh Huỳnh Tấn Đ các lần Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải, xét xử đến lần thứ hai đều vắng mặt nên không có lời khai.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đối với Thẩm phán phân công giải quyết án xác định đúng quan hệ tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn các lần hòa giải, xét xử đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thành L. Con chung: Để chị L được nuôi dưỡng 02 con chung, ghi nhận chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Chị Lê Thành L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 11/6/2024. Bị đơn anh Huỳnh Tấn Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng anh Đ đều vắng mặt. Bị đơn anh Đ từ chối nhận văn bản tố tụng và vẫn còn sinh sống tại địa phương, thể hiện tại đơn xin xác nhận ngày 06/5/2024 của Công an xã Đ (Bút lục số 06). Căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L và anh Đ là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thành L và anh Huỳnh Tấn Đ kết hôn năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị L trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã và vợ chồng ly thân đến nay không có hàn gắn tình cảm, mỗi người sống riêng. Anh Đ cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của chị L. Điều đó chứng tỏ anh Đ không muốn hàn gắn lại

tình cảm vợ chồng với chị L, hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị L vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh Đ là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung:

Chị Lê Thành L khai, chị và anh Huỳnh Tấn Đ chung sống có với nhau 02 con chung Huỳnh Tấn P, sinh ngày: 11/3/2012 và Huỳnh Tấn L, sinh ngày: 14/03/2018, chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Đơn xin ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, đây là yêu cầu phù hợp và nguyện vọng của cháu P là muốn sống chung với mẹ (Thể hiện tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 11/6/2024, bút lục số 22) nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận chị L nuôi dưỡng 02 con chung không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung, nợ chung:

Đơn khởi kiện chị L khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 233, 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Lê Thành L.

2. Chị Lê Thành L được ly hôn với anh Huỳnh Tấn Đ.

3. Về con chung: Chị Lê Thành L được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Huỳnh Tấn P, sinh ngày: 11/3/2012 và Huỳnh Tấn L, sinh ngày: 14/03/2018. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Trong thời gian 02 con chung của chị L và anh Đ chưa thành niên (Chưa đủ 18 tuổi), chị L có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con chung, anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Anh Đ không trực tiếp nuôi 02 con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Tài sản chung, nợ chung: Đơn khởi kiện chị Lê Thành L khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Lê Thành L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005701 ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, chị L đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Đ (Số 69, quyển số 01/2011, ngày 23/9/2011);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THAD huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương